

CTCP Đầu tư Thê Giới Di Động (MWG: HOSE)

Ngày báo cáo: 29/04/2025
Ngành: HÀNG TIÊU DÙNG
CVPTCC: Nguyễn Trần Phương Nga
Email: ngantp@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3824 2897 ext. 6731

Khuyến nghị: **MUA**
Giá mục tiêu 1 năm: **74.000 Đồng**
Giá CP ngày 29/04/2025: 60.800 Đồng
% Tăng giá: **+21,7%**

Giá trị vốn hóa (triệu USD): 3.546
Giá trị vốn hóa (tỷ đồng): 90.067
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.479
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 9.217.295
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 70/46,4
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 527,2
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 46,9
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

MWG – CTCP Đầu tư Thê Giới Di Động (trước đây là công ty TNHH Thê Giới Di Động) được thành lập vào tháng 3 năm 2004 với trọng tâm chính là bán điện thoại di động và các sản phẩm công nghệ khác. Vào tháng 10/2004, cửa hàng đầu tiên được khai trương tại TP.HCM và được đặt tên là www.thegioididong.com. Để thâm nhập vào thị trường điện tử, MWG đã mở chuỗi bán lẻ điện tử dưới tên Dienmay.com vào năm 2010. Năm 2015, công ty mở cửa hàng bách hóa đầu tiên mang tên Bách Hóa Xanh. Từ năm 2022, MWG bắt đầu hợp nhất tài chính chuỗi nhà thuốc An Khang vào báo cáo tài chính của mình. Cuối năm 2024, MWG có 925 cửa hàng thegioididong và 2.026 cửa hàng Điệnmayxanh và 1.770 cửa hàng Bách Hóa Xanh.

Đẩy mạnh mở rộng mạng lưới cửa hàng bách hóa

Cập nhật Đại hội cổ đông (ĐHCD): Tại ĐHCD diễn ra vào ngày 26/04/2025, MWG đã thông qua kế hoạch lợi nhuận ròng năm 2025 đạt 4,85 nghìn tỷ đồng (+30% svck). Ngoài ra, chương trình ESOP cũng được thông qua với tỷ lệ phát hành phụ thuộc vào lợi nhuận năm 2025, tối đa 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. ĐHCD cũng đã thông qua kế hoạch mua lại 10 triệu cổ phiếu quỹ. Chi tiết xem thêm tại báo cáo phát hành ngày 10/4/2025 của chúng tôi.

KQKD Q1/2025: Mặc dù tốc độ mở mới cửa hàng bách hóa nhanh làm tăng chi phí trong ngắn hạn, MWG vẫn ghi nhận KQKD tích cực với doanh thu thuần đạt 36 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và lợi nhuận ròng đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+71% svck). Kết quả này đã vượt kỳ vọng và gần đạt mức kỷ lục trong Q4/2021, quý ghi nhận nhu cầu dồn nén sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng.

Luận điểm đầu tư: Với kết quả kinh doanh mảng sản phẩm công nghệ & điện máy tốt hơn dự kiến và tốc độ mở mới cửa hàng bách hóa nhanh trong Q1/2025, chúng tôi điều chỉnh ước tính lợi nhuận ròng năm 2025 lên 5,56 nghìn tỷ đồng (+49% svck, từ 5 nghìn tỷ đồng). Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 đến từ (1) chu kỳ thay mới điện thoại cùng với áp lực cạnh tranh suy giảm từ các đối thủ thương mại điện tử khi người bán có thể nâng giá bán cho người tiêu dùng cuối sau khi bị sàn tăng phí gần đây; (2) mở rộng mạng lưới cửa hàng và cải thiện biên lợi nhuận chuỗi cửa hàng bách hóa; (3) không phát sinh chi phí bất thường; và (4) chuỗi sản phẩm công nghệ & điện máy tại Indonesia, chuỗi nhà thuốc và chuỗi mẹ & bé đều ghi nhận kết quả hoạt động tốt hơn. Với lợi nhuận điều chỉnh, chúng tôi nâng giá mục tiêu 1 năm lên 74.000 đồng/cổ phiếu (từ 69.000 đồng), và duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG.

Quan điểm ngắn hạn: Việc mua lại cổ phiếu quỹ (dự kiến trong tháng 5) và kết quả Q1/2025 tốt hơn dự kiến sẽ hỗ trợ diễn biến giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

Quan điểm dài hạn: Lợi nhuận Bách Hóa Xanh (BHX) cải thiện sẽ là động lực tăng trưởng chính từ năm 2026, trong khi tăng trưởng lợi nhuận của chuỗi sản phẩm công nghệ & điện máy có khả năng quay về mức bình thường sau sự hồi phục mạnh trong năm 2024 – 2025. Chúng tôi ước tính lợi nhuận ròng hàng năm (CAGR) giai đoạn 2026 – 2028 sẽ dao động trong khoảng từ 15 – 20%.

Rủi ro giảm: Tiêu dùng không thiết yếu phục hồi chậm hơn dự kiến trong bối cảnh bất ổn chính sách thuế quan của Mỹ.

	Phương pháp định giá	Giá trị VCSH	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ đồng
Sản phẩm công nghệ & điện máy	P/E	50.565	100%	50.565
Erablue	P/S	7.170	45%	3.227
Bách hóa	DCF	55.100	95%	52.318
Nhà thuốc	P/S	1.449	100%	1.449
Định giá MWG				107.558
SLCP lưu hành (triệu)				1.462
Giá mục tiêu				74.000

Nguồn: SSI Research

	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	133.405	118.280	134.341	147.535
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	4.102	168	3.733	5.561
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	-16,3%	-95,9%	2124,5%	49,0%
EPS (VND)	2.804	115	2.545	3.766
ROE (%)	18,5%	0,7%	14,5%	18,2%
Nợ/VCSH	0,69	1,08	0,97	0,88
Tỷ suất cổ tức (%)	1%	1%	1%	1%
P/E (x)	15,3	373,3	24	16,2
P/B (x)	2,6	2,7	3,2	2,7
EV/EBITDA (x)	5,8	11,4	9,3	6,8

Nguồn: MWG, SSI Research

Cập nhật KQKD Q1/2025

MWG ghi nhận KQKD Q1/2025 tích cực, với doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 36 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và 1,5 nghìn tỷ đồng (+71% svck). Mức lợi nhuận này vượt kỳ vọng của chúng tôi và gần như đạt kỷ lục lợi nhuận quý trong Q4/2025, khi MWG được hưởng lợi từ nhu cầu dồn nén sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng.

Sản phẩm công nghệ & điện máy:

- KQKD Q1/2025:** Doanh thu tăng lên 24,2 nghìn tỷ đồng (+14% svck), trong đó doanh thu từ điện thoại di động tăng >20% svck, nhờ tăng thị phần và nhu cầu thay mới điện thoại. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp giảm từ 19% trong Q1/2024 xuống 17,9% trong Q1/2025 do biên lợi nhuận của điện thoại di động thấp hơn so với điện máy. Chúng tôi ước tính lợi nhuận trước thuế của mảng này tăng 40% svck nhờ các biện pháp tối ưu hóa chi phí (đóng cửa hơn 200 cửa hàng trong năm 2024 nhưng vẫn duy trì tăng trưởng doanh thu trong năm 2025) và thu nhập tài chính cải thiện (+69% svck).
- Khoảng cách giá với các đối thủ thương mại điện tử có thể được thu hẹp:** Chúng tôi lưu ý Shopee và TikTok (các đối thủ thương mại điện tử) đã tăng phí cho người bán từ Q1/2025. Điều này sẽ giúp thu hẹp khoảng cách giá giữa các nền tảng thương mại điện tử và MWG, góp phần giảm áp lực cạnh tranh cho MWG. Đáng chú ý, doanh thu bán hàng trực tuyến (bao gồm doanh thu thông qua thương mại điện tử và các trang web vận hành bởi các nhà bán lẻ như MWG) chiếm khoảng 20% tổng nhu cầu sản phẩm công nghệ & điện máy tại Việt Nam.

	Shopee		Tiktok	
	Trước	Sau	Trước	Sau
Sản phẩm công nghệ	1%	1,50%	N.a	N.a
Điện máy	3%	7%	2%	3%
Phụ kiện	3%	9%	N.a	N.a

Nguồn: SSI tổng hợp

- Ước tính năm 2025:** Với KQKD Q1/2025 tốt hơn dự kiến và cạnh tranh từ các đối thủ thương mại điện tử có khả năng suy giảm, chúng tôi điều chỉnh tăng ước tính năm 2025 như sau:

Sản phẩm công nghệ & điện máy	Ước tính mới	Ước tính cũ	Thay đổi
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	96,5	93,9	3%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	5.056	4.511	12%

Nguồn: SSI Research

Bách hóa

- KQKD Q1:** Doanh thu tăng lên 11 nghìn tỷ đồng (+20% svck), nhờ doanh thu cửa hàng hiện hữu (SSSG) và mở mới cửa hàng. Công ty đã mở mới 232 cửa hàng (tăng 13% số lượng cửa hàng) trong Q1/2025, chủ yếu tại các khu vực miền Trung. Tốc độ mở mới cửa hàng BHX trong Q1/2025 nhanh hơn dự báo gần đây của chúng tôi (300 cửa hàng mới trong năm 2025). Doanh thu/tháng/cửa hàng ở khu vực miền Trung dao động trong khoảng 1,2 – 1,5 tỷ đồng trong Q1/2025, trong khi doanh thu của các cửa hàng hiện hữu vẫn ở mức cao là 2,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi phí vận hành của các cửa hàng ở khu vực miền Trung thấp hơn 30% so với các cửa hàng hiện hữu, do đó chúng tôi ước tính doanh thu hoà vốn là 1,5 tỷ đồng/tháng cho cửa hàng miền Trung (so với 1,9 – 2 tỷ đồng đối với các cửa hàng hiện hữu). Biên lợi nhuận gộp Q1/2025 là 24%, khá sát với mức 24 – 25% trong năm 2024. Mặc dù đẩy mạnh mở rộng mạng lưới cửa hàng, công ty vẫn ghi nhận lợi nhuận dương cho mảng này trong Q1/2025, dù giá trị tuyệt đối tương đối khiêm tốn.
- Ước tính năm 2025:** Với tốc độ mở mới cửa hàng nhanh hơn dự kiến trong Q1/2025, chúng tôi dự báo MWG sẽ mở 400 cửa hàng trong năm 2025. Việc mở rộng mạng lưới cửa hàng dự kiến sẽ có tác động tích cực đến dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng của chúng tôi.

Bách hóa	Ước tính mới	Ước tính cũ	Thay đổi
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	49	48	2%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	543	513	6%

Nguồn: SSI Research

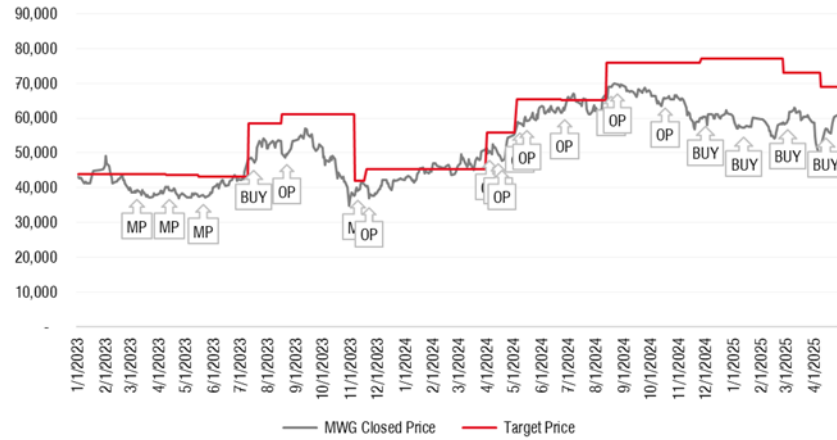
Luận điểm đầu tư

Với kết quả kinh doanh mảng sản phẩm công nghệ & điện máy tốt hơn dự kiến và tốc độ mở cửa hàng BHX nhanh chóng trong Q1/2025, chúng tôi điều chỉnh ước tính lợi nhuận ròng năm 2025 lên 5,56 nghìn tỷ đồng (+49% svck, từ 5 nghìn tỷ đồng). Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 đến từ (1) chu kỳ thay mới điện thoại cùng với áp lực cạnh tranh suy giảm từ các đối thủ thương mại điện tử khi người bán có thể nâng giá bán cho người tiêu dùng cuối sau khi bị sàn tăng phí gần đây; (2) mở rộng mạng lưới cửa hàng và cải thiện biên lợi nhuận chuỗi cửa hàng bách hóa; (3) không phát sinh chi phí bất thường; và (4) chuỗi sản phẩm công nghệ & điện máy tại Indonesia, chuỗi nhà thuốc và chuỗi mẹ & bé đều ghi nhận kết quả hoạt động tốt hơn. Với lợi nhuận điều chỉnh, chúng tôi nâng giá mục tiêu 1 năm lên 74.000 đồng/cổ phiếu (từ 69.000 đồng), và duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG.

	2023	2024	2025F	2024 YoY	2025 YoY
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	118,3	134,3	147,5	14%	10%
Sản phẩm công nghệ & điện máy	83,5	89,5	96,5	7%	8%
Bách hóa	31,6	41,0	48,6	30%	19%
Nhà thuốc	2,2	2,3	2,4	5%	5%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	168	3,733	5,561	2124%	49%
Sản phẩm công nghệ & điện máy	1,873	4,069	5,056	117%	24%
Bách hóa	(1,211)	103	543	N.a	429%
Nhà thuốc	(343)	(347)	(24)	N.a	N.a
Khác	(98)	-	-	N.a	N.a

Nguồn: MWG, SSI Research

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F
Bảng cân đối kế toán			
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5,366	5,697	13,627
+ Đầu tư ngắn hạn	18,937	28,524	28,524
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	5,159	8,764	5,237
+ Hàng tồn kho	21,824	22,245	27,334
+ Tài sản ngắn hạn khác	661	544	1,436
Tổng tài sản ngắn hạn	51,947	65,774	76,159
+ Các khoản phải thu dài hạn	458	390	590
+ GTCL Tài sản cố định	6,500	3,587	1,532
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	4	25	25
+ Đầu tư dài hạn	747	242	242
+ Tài sản dài hạn khác	452	202	454
Tổng tài sản dài hạn	8,161	4,445	2,842
Tổng tài sản	60,108	70,219	79,001
+ Nợ ngắn hạn	30,762	42,097	46,050
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>19,129</i>	<i>27,300</i>	<i>29,079</i>
+ Nợ dài hạn	5,986	0	0
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>5,985</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tổng nợ phải trả	36,748	42,097	46,050
+ Vốn góp	14,634	14,622	14,622
+ Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558
+ Lợi nhuận chưa phân phối	8,160	12,582	17,358
+ Quỹ khác	7	359	413
Vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	32,952
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	60,108	70,219	79,001
Lưu chuyển tiền tệ			
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3,478	8,511	7,962
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-10,874	-10,937	-1,080
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	7,700	2,757	1,048
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	304	332	7,930
Tiền đầu kỳ	5,061	5,366	5,697
Tiền cuối kỳ	5,366	5,697	13,627
Các hệ số khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	1.69	1.56	1.65
Hệ số thanh toán nhanh	0.96	1.02	1.03
Hệ số thanh toán tiền mặt	0.79	0.81	0.92
Nợ ròng / EBITDA	2.81	2.33	1.64
Khả năng thanh toán lãi vay	1.48	5.24	6.22
Ngày phải thu	0.8	0.7	0.8
Ngày phải trả	31.8	29.1	28.9
Ngày tồn kho	90.6	75.3	77.8
Cơ cấu vốn			
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.39	0.40	0.42
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.61	0.60	0.58
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1.57	1.50	1.40
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.08	0.97	0.88
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0.82	0.97	0.88

Nguồn: MWG, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần	118,280	134,341	147,535
Giá vốn hàng bán	-95,759	-106,842	-116,317
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	31,218
Doanh thu hoạt động tài chính	2,167	2,377	2,288
Chi phí tài chính	-1,556	-1,188	-1,309
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0
Chi phí bán hàng	-20,917	-19,850	-20,627
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1,196	-3,566	-4,731
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,018	5,227	6,856
Thu nhập khác	-328	-401	-31
Lợi nhuận trước thuế	690	4,826	6,825
Lợi nhuận ròng	168	3,733	5,561
Lợi nhuận chia cho cổ đông	168	3,722	5,507
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	11	54
EPS cơ bản (VND)	115	2,545	3,766
Giá trị sổ sách (VND)	15,964	18,983	22,249
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	500	500	500
EBIT	2,137	5,963	8,134
EBITDA	5,564	8,876	11,269
Tăng trưởng			
Doanh thu	-11,3%	13,6%	9,8%
EBITDA	-49,4%	59,5%	27,0%
EBIT	-71,2%	179,0%	36,4%
Lợi nhuận ròng	-95,9%	2124,5%	49,0%
Vốn chủ sở hữu	-2,4%	20,4%	17,2%
Vốn điều lệ	0,0%	-0,1%	0,0%
Tổng tài sản	7,7%	16,8%	12,5%
Định giá			
P/E	373,3	24	16,2
P/B	2,7	3,2	2,7
Giá/Doanh thu	0,5	0,7	0,6
Tỷ suất cổ tức	1,2%	0,8%	1,0%
EV/EBITDA	11,4	9,3	6,8
EV/Doanh thu	0,5	0,6	0,5
Các hệ số khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19,0%	20,5%	21,2%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	0,6%	3,1%	4,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,1%	2,8%	3,8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	17,7%	14,8%	14,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,0%	2,7%	3,2%
ROE	0,7%	14,5%	18,2%
ROA	0,3%	5,7%	7,5%
ROIC	1,2%	8,9%	11,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trần Phương Nga

Chuyên viên Cao cấp

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6731

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702